

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2021/DS-PT

Ngày 24-12-2021

“V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hoàng Hữu Tăng

Các Thẩm phán: Ông Trương Quang Tú

Ông Phạm Trung Thực

Thư ký phiên toà: Ông Đào Tiến Đạt - Thư ký TAND tỉnh Hưng Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên: Bà Hoàng Ngọc Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 36/2021/TLPT-DS ngày 04 tháng 10 năm 2021 về việc: *“Tranh chấp quyền sử dụng đất”*.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2021/QĐ-PT ngày 09 tháng 11 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 67/QĐPT-DS ngày 10 tháng 12 năm 2021, vụ án giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** 1. Ông Nguyễn Ch, sinh năm 1963, *(có mặt)*.

2. Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1972, *(có mặt)*.

Đều có địa chỉ: Số nhà 253, Tổ dân phố Phố B, phường B, thị xã M, tỉnh Hưng Yên.

+ *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông Chu Văn Khang, sinh năm 1956. Địa chỉ: Số nhà 18, ngõ 55, phố Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. *(có mặt)*.

*** Bị đơn:** 1. Ông Đỗ Văn Th, sinh năm 1972, *(có mặt)*.

2. Bà Bùi Thị H, sinh năm 1973, *(có mặt)*.

Đều có địa chỉ: Số nhà 199, Tổ dân phố Phố B, phường B, thị xã M, tỉnh Hưng Yên.

3. Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1961, *(có mặt)*.

4. Bà Đỗ Thị Th, sinh năm 1963, *(có mặt)*.

Đều địa chỉ: Số nhà 191, phố B, phường B, thị xã M, tỉnh Hưng Yên.

5. Ông Lê Văn V, sinh năm 1954 *(vắng mặt)*.

6. Bà Trần Thị Lệ B, sinh năm 1960 *(có mặt)*.

Đều có địa chỉ: Số nhà 197, đường Nguyễn Văn Linh, Tổ dân phố B, phường B, thị xã M, tỉnh Hưng Yên.

7. Bà Lê Thị Th, sinh năm 1949 (*có mặt*).

Địa chỉ: Ngõ 213, Khu tập thể kho lương thực phố B phường B, thị xã M, tỉnh Hưng Yên.

8. Ông Nguyễn Q, sinh năm 1972 (*có mặt*).

9. Bà Ngô Thị Thanh H, sinh năm 1973 (*vắng mặt*).

Đều có địa chỉ: Ngõ 213, Khu tập thể kho lương thực phố B, phường B, thị xã M, tỉnh Hưng Yên.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các bị đơn:* Ông Nguyễn Thế Quyền – Luật sư văn phòng luật sư Nguyễn Thế Quyền thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội.

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bà Đoàn Thị B, sinh năm 1948 (*vắng mặt*). Địa chỉ: Số nhà 199, Tổ dân phố B, phường B, thị xã M, tỉnh Hưng Yên.

4. Người kháng cáo: Tất cả các bị đơn có tên trên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Ch và bà Nguyễn Thị V trình bày:*

Nguồn gốc thửa đất tranh chấp nguyên là thửa ruộng có diện tích là 01 sào 10 thước Bắc Bộ (*khoảng 600m²*) là của các cụ, ông bà nội để lại cho bố mẹ ông là cụ M và cụ Q, quá trình sử dụng bố mẹ ông đã đào thành ao, một phần để lấy đất đắp tôn lên thành nền đất vườn xung quanh và dùng để thả bèo nuôi lợn, trồng cây lâu năm và để mồ mả gia tộc. Bố mẹ ông đã quản lý, sử dụng ổn định lâu dài, không có tranh chấp từ trước năm 1954. Gia đình ông hàng năm vẫn tới thắp hương, làm lễ, đắp thêm đất lên các phần mộ và thu hoạch hoa quả từ các cây trái trong mảnh đất. Năm 2003 bố mẹ ông có thuê xe ngựa chuyển vào lấp ao bằng cát do ông chở về (*được 10 xe ben 15 tấn thì bị xã đình chỉ*). Đến năm 2007 gia đình ông tiếp tục chở cát về lấp ao, ông đã chở 20 xe Ifa và dùng máy xúc 130W hất cát xuống và xã tiếp tục đình chỉ lần thứ 2. Tổng số cát đã lấp ao hai lần bằng 300m³.

Ngày 17/12/2007, vợ chồng anh Đỗ Văn Th, chị Bùi Thị H có nhu cầu cần diện tích mặt bằng để sản xuất kinh doanh nên đã mượn đất với diện tích là 300m² của bố mẹ ông và có viết giấy cam kết hứa rằng nếu như gia đình ông có nhu cầu thì trong vòng 01 tuần kể từ ngày thông báo thì anh Th và chị H sẽ dỡ bỏ toàn bộ công trình trên đất và trả lại cho gia đình ông và được bố mẹ ông đồng ý. Đến cuối năm 2016, gia đình anh Th, chị H coi nói xây lán bằng gạch ba banh ra phía sau nhưng lại ngang nhiên phá mất ngôi mộ của cụ Nguyễn Đình Giai mà không thông báo hay nói gì với bố mẹ ông. Gia đình ông vô cùng bức xúc nên đã nhiều lần yêu cầu gia đình anh Th tháo dỡ hoàn trả lại nguyên vẹn mặt bằng nhưng gia

đình anh Th vẫn cố tình không thực hiện. Hai bên đã được Ủy ban nhân dân phường Bàn Yên Nhân hòa giải nhiều lần nhưng đều không thành.

Đến đầu năm 2018, gia đình ông có nhu cầu làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên đã làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận được Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Hào (*nay là Ủy ban nhân dân thị xã Mỹ Hào*) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bố mẹ ông và trong hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận có cả sự xác nhận của bà Đoàn Thị B là mẹ đẻ của anh Th là gia đình ông là chủ sử dụng mảnh đất đó.

Hiện nay, các hộ gia đình liên kề xung quanh khu đất lợi dụng lúc bố mẹ ông già yếu, bị đau ốm không đi lại được, ông thì bận đi làm công việc hay vắng nhà, nên họ đã lén lút, âm thầm lấn chiếm rồi lấy tre quây thành hàng rào ngăn đất và lấn chiếm hết toàn bộ diện tích thửa đất của gia đình ông. Gia đình ông đã nhiều lần yêu cầu các hộ thu hồi rào chắn để trả lại đất nhưng họ đều không trả.

Cụ thể các gia đình lấn chiếm như sau: Ông Đỗ Văn Th và bà Bùi Thị H đã lấn chiếm 200m²; ông Nguyễn Minh T và bà Đỗ Thị Th, đã lấn chiếm 60m²; ông Lê Văn V và bà Trần Thị Lệ B đã lấn chiếm 80m², trong đó có 02 cây xà cừ và 01 bụi tre bố ông trồng trên 50 năm; ông Nguyễn Q và bà Ngô Thị Thanh H đã lấn chiếm 16m², 01 cây nhãn bố ông đã trồng trên 50 năm; bà Lê Thị Th đã lấn chiếm 15,6m².

Nay vợ chồng ông buộc các gia đình đã lấn chiếm trên phải tháo dỡ toàn bộ công trình xây dựng trên phần đất của gia đình ông, trả lại nguyên vẹn mặt bằng đất và bồi thường thiệt hại do chặt phá cây trồng lâu năm do bố, mẹ ông đã trồng. Giá trị là 371,6m² x 1.800.000đ = 668.880.000đ và cây nhãn trị giá 5.000.000đ. Tổng giá trị là 673.880.000đ.

Tại đơn bổ sung đơn khởi kiện đề ngày 19/02/2021, ông Ch, bà V yêu cầu: Buộc các gia đình ông Đỗ Văn Th, bà Bùi Thị H; ông Nguyễn Minh T và bà Đỗ Thị Th; ông Lê Văn V và bà Trần Thị Lệ B; ông Nguyễn Q và bà Ngô Thị Thanh H; bà Lê Thị Th phải xúc toàn bộ các rác thải đã chôn lấp xuống ao san lấp và xây dựng trái phép công trình lên phần đất ao của gia đình ông, buộc các bị đơn phải trả lại nguyên trạng mặt bằng ở tình trạng ban đầu là đất ao nuôi trồng thủy sản và bồi thường thiệt hại những cây cối trồng lâu năm xung quanh bờ ao của gia đình ông. Quá trình giải quyết vợ chồng ông Ch và bà V tự nguyện rút phần yêu cầu các bị đơn bồi thường thiệt hại giá trị cây trồng lâu năm và thống nhất yêu cầu Tòa án giải quyết đối với phần vật liệu san lấp. Cụ thể, nếu là vật liệu san lấp chuẩn (*tức là cát đen san nền*) thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật; còn nếu là rác thải thì vợ chồng ông không chấp nhận.

* Quan điểm của các bị đơn: Vợ chồng ông Nguyễn Minh T và bà Đỗ Thị Th; ông Đỗ Văn Th và bà Bùi Thị H; Ông Lê Văn V và bà Trần Thị Lệ B; bà Lê Thị Th; vợ chồng ông Nguyễn Q và bà Ngô Thị Thanh H đều có quan điểm không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Ch và bà V vì phần đất mà ông Ch và bà V

khởi kiện buộc các bị đơn phải trả là đất đó là ao của hợp tác. Do là ao tù bần nên có san lấp và xây dựng công trình, trồng cây không có ai phản đối, các bị đơn nhiều lần xin xã cho thuê hoặc bán nhưng không được chấp nhận đến cuối năm 2018 gia đình các bị đơn mới được biết Ủy ban nhân dân xã và Ủy ban nhân dân huyện cho nhà ông Minh, bà Quát thuê để nuôi trồng thủy sản với thời hạn là 46 năm đến năm 2064 thì hết thời hạn.

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thị B:* Xác định không liên quan gì đến đất của ông Ch, bà V. Tôi không san lấp, không xây dựng gì và không biết cây nhãn, bụi tre, cây xà cừ. Bà không đồng ý với ý kiến của ông Ch, bà V. Bà xác định không liên quan đến ông Ch bà V và bà đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

* *Những người làm chứng:*

Tại Giấy xác nhận ngày 06/01/2007 về việc ao vườn của nhà ông Nguyễn Tuấn Minh và bà Đỗ Thị Quát, trong đó: Ông Nguyễn Đình Th, ông Chu Đình T, ông Nguyễn Mạnh L đều xác định: Gia đình ông Minh bà Quát vẫn sử dụng ao trên từ trước năm 1994 tới nay.

Một số người làm chứng khác bao gồm: Ông Chu Đình D, ông Ngô Đức Kh, ông Lê Văn V, bà Nguyễn Thị Q, bà Đỗ Thị G ... xác định có cái ao và vẫn sử dụng thả bèo.

* *Ủy ban nhân dân phường Bàn Yên Nhân cung cấp:*

Về nguồn gốc đất đang tranh chấp, địa phương cung cấp như sau:

Thứ nhất: Đối với thửa đất đang tranh chấp (*thửa số 402, tờ bản đồ số 20, diện tích 430.5m², địa chỉ: Phố Bàn, phường Bàn Yên Nhân, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên*) mang tên ông Nguyễn Ch, bà Nguyễn Thị V, do Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên cấp GCNQSD đất năm 2019.

Theo bản đồ năm 2003, là đất nuôi trồng thủy sản (*ao*), thuộc thửa đất số 193, diện tích 410m², mang tên cụ Nguyễn Tuấn Minh, cụ Đỗ Thị Quát. Thửa đất ao này đã được Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Hào (*nay là thị xã Mỹ Hào*) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2018 cho cụ Minh, cụ Quát, vẫn thuộc thửa đất số 193, tờ bản đồ số 20, diện tích 396m².

Cũng trong năm 2018, cụ Minh và cụ Quát đã làm thủ tục tặng cho thửa đất này cho vợ chồng ông Nguyễn Ch, bà Nguyễn Thị V. Sau đó, ông Nguyễn Ch và bà Nguyễn Thị V đã làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ đất ao trở thành đất ở tại đô thị và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất này mang tên ông Nguyễn Ch và bà Nguyễn Thị V vào năm 2019. Trong năm 2019, ông Ch và bà V đề nghị hợp các thửa đất bao gồm thửa đất vợ chồng ông được cụ Minh, cụ Quát tặng cho và thửa đất nhận chuyển nhượng là thửa đất số 195, tờ bản đồ số 20, diện tích 80m², để tạo thành thửa đất số 402, tờ bản đồ số 20, diện tích 430.5m².

Thứ hai: Đối với các hộ gia đình là bị đơn trong vụ án:

Về nguồn gốc đất: Diện tích đất của các hộ gia đình đang sử dụng có nguồn gốc là đất của Kho lương thực thanh lý để làm nhà ở. Trong số các bị đơn có tên nêu trên thì đã có hộ gia đình đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Diện tích cấp Giấy chứng nhận là theo bản đồ năm 2001.

Tuy nhiên, theo bản đồ năm 2003:

- + Thửa đất ao số 193, diện tích 410m², mang tên cụ Minh, cụ Quất;
- + Thửa đất số 140, diện tích 91m², mang tên Phạm Thị Ngoãn;
- + Thửa đất số 198, diện tích 80m², mang tên bà Mi;
- + Thửa đất số 197, diện tích 80m², mang tên ông Khánh;
- + Thửa đất số 196, diện tích 80m², mang tên Nguyễn Đình Trung, sau đó mang tên ông Bắc, bà Yên;

- + Thửa đất số 195, diện tích 80m², mang tên ông Hậu, bà Oanh;
- + Thửa đất số 194, diện tích 80m², mang tên ông Thành, bà Sinh;
- + Thửa đất số 192, diện tích 121m², mang tên ông Tú, bà Thu;
- + Thửa đất số 200, diện tích 87m², mang tên ông Đỗ Hải Tiến;
- + Thửa đất số 205, diện tích 284m², mang tên bà Đoàn Thị Bình;

Vào thời điểm xác minh, địa phương được biết, theo bản đồ năm 2018:

- + Đối với thửa đất ao số 193 (theo bản đồ năm 2003) thì hiện tại là thửa đất số 17, diện tích 445,3m² (PNK), đất phi nông nghiệp khác nhưng không phải là đất xen kẹt nên không còn ao nữa và vẫn mang tên cụ Minh, cụ Quất;

- + Đối với thửa đất số 205 (theo bản đồ năm 2003), thì hiện tại là thửa đất số 16, diện tích 287, đất ở tại đô thị, mang tên bà Đoàn Thị Bình và vợ chồng Th, H đang ở tại đây;

- + Đối với thửa đất số 198 (theo bản đồ năm 2003) thì hiện tại là thửa đất số 19, diện tích 83.7m², đất ở tại đô thị, mang tên bà B, ông V;

- + Đối với thửa đất số 197 (theo bản đồ năm 2003) thì hiện tại là thửa đất số 20, diện tích 79.3m², đất ở tại đô thị, mang tên ông Q, bà H;

- + Đối với thửa đất số 196 (theo bản đồ năm 2003) thì hiện tại là thửa đất số 21, diện tích 82.4m², đất ở tại đô thị, mang tên bà Lê Thị Th;

- + Đối với thửa đất số 195 (theo bản đồ năm 2003) thì hiện tại là thửa đất số 22, diện tích 80.7m², đất ở tại đô thị, mang tên ông Nguyễn Ch (ông Chính nhận chuyển nhượng đất từ ông bà Hậu, Oanh);

- + Đối với thửa đất số 194 (theo bản đồ năm 2003) thì hiện tại là thửa đất số 23, diện tích 78.1m², đất ở tại đô thị, mang tên ông bà Thành - Sinh (Ông bà B, V chuyển nhượng cho ông bà Th - S);

- + Thửa đất số 192 (theo bản đồ năm 2003) thì hiện tại là thửa đất số 10, diện tích 137.2m², đất ở tại đô thị, mang tên ông bà T, Th;

Về phần diện tích đất của một số hộ dân có sai lệch qua các thời kỳ là do hiện trạng sử dụng đất của các hộ gia đình. Người xây trước, người xây sau nên mốc giới đất không cố định. Đối với các hộ gia đình đã được cấp Giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất là diện tích chính xác và là căn cứ đối với các hộ gia đình bây giờ. Tất cả các hộ gia đình tại đây đều thuộc diện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là theo đơn yêu cầu của các hộ gia đình.

Sự việc tranh chấp xảy ra giữa ông Ch, bà V và các bị đơn nêu trên. Địa phương chưa tiến hành đo đạc được hiện trạng sử dụng đất của các hộ gia đình do các hộ gia đình này chưa hợp tác làm việc.

Việc ông Ch, bà V chuyển đổi mục đích sử dụng đất sau khi được cụ Minh, cụ Quát tặng cho là phù hợp với chính sách đất đai của tỉnh Hưng Yên và đúng quy định của pháp luật. Đối với việc san lấp thửa đất tranh chấp này thì địa phương chưa nắm được cụ thể.

Sự việc tranh chấp xảy ra, địa phương đã tiến hành hòa giải nhưng các bên không tự thỏa thuận được. Vì vậy, địa phương đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Ch và bà V đã yêu cầu xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đối với diện tích đất đang tranh chấp. Xét yêu cầu của ông Ch, bà V là phù hợp với quy định của pháp luật và có căn cứ để giải quyết vụ án, ngày 21/9/2020 Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đối với yêu cầu của ông Ch, bà V. Quá trình xem xét, thẩm định tại chỗ được thể hiện bằng biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đã thể hiện rõ hiện trạng đất tranh chấp, giá trị tài sản xây dựng trên đất tranh chấp, giá trị san lấp bằng bảng tính khối lượng và giá trị đất tranh chấp là 5.000.000đ/01m².

Sau khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, các bị đơn bao gồm: bà Trần Thị Lệ B, ông Nguyễn Minh T, bà Bùi Thị H và bà Lê Thị Th có đơn yêu cầu phản tố về việc tranh chấp quyền sử dụng đất đề ngày 15/6/2021 (*cùng ký 01 đơn*) trong đó đề nghị Tòa án nhân dân thị xã Mỹ Hào xem xét hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 193, tờ bản đồ số 20 của ông Nguyễn Tuấn Minh và bà Đỗ Thị Quát do Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Hào cấp ngày 21/12/2018 là trái quy định của pháp luật. Bà Trần Thị Lệ B, ông Nguyễn Minh T, bà Bùi Thị H và bà Lê Thị Th cũng giao nộp cho Tòa án Đơn đề nghị đưa thêm người tham gia tố tụng đề ngày 15/6/2021 (*cùng ký 01 đơn*) với nội dung đề nghị triệu tập Ủy ban nhân dân phường Bàn Yên Nhân và Ủy ban nhân dân thị xã Mỹ Hào với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến việc tranh chấp quyền sử dụng đất, trên cơ sở các cấp liên quan về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Chính và bà Vân.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 15/ 2021/DS-ST ngày 26/7/ 2021 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Hào đã quyết định:

*** Căn cứ vào:**

- Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 229; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 264; Điều 692; Điều 696; Điều 697 và Điều 707 của Bộ luật dân sự năm 1995;

- Khoản 1 Điều 357; Điều 166; Điều 502 và Điều 503 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 20 của Luật Đất đai năm 1993;

- Điều 67 của Luật đất đai năm 2003;

- Khoản 3 Điều 210 của Luật đất đai năm 2013;

- Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH14 ngày 30/ 12/ 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

I/- Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Ch và bà Nguyễn Thị V.

- Xác định thửa đất số 402, tờ bản đồ 20, diện tích 430.5m² (*Bốn trăm ba mươi phẩy năm mét vuông*) thuộc quyền quản lý, sử dụng của chủ sử dụng đất là ông Nguyễn Ch và bà Nguyễn Thị V theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Hào (*nay là Ủy ban nhân dân thị xã Mỹ Hào*), tỉnh Hưng Yên cấp ngày 26/02/2019 cho ông Ch, bà V (*sơ đồ hiện trạng kèm theo*).

- Xác định phần diện tích đất 63.2m² (*theo hình KLMNO sơ đồ hiện trạng kèm theo*) là phần diện tích đất do ông Nguyễn Minh T và bà Đỗ Thị Th lần sang thửa đất số 402, tờ bản đồ số 27, tại Tổ dân phố Phố Bần, phường Bần Yên Nhân, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên. Xác định phần lán diện tích 12.6m² (*theo hình 01 sơ đồ hiện trạng kèm theo*) và 01 cọc bê tông cốt thép kích thước 0.2 x 0.2 x 5m ông T và bà Th xây dựng trên phần diện tích đã lần này.

Buộc ông T và bà Th phải trả lại phần diện tích đất 63.2m² cho ông Nguyễn Ch và bà Nguyễn Thị V (*ương đương phần giá trị 316.000.000đ*); buộc ông Tú và Thu phải tự tháo dỡ phần lán diện tích 12.6m² xây dựng trên phần diện tích đã lần này.

Buộc ông Ch và bà V phải trả tiền vật liệu, công sức đã san lấp cho ông T, bà Th là 20.366.840đ (*Hai mươi triệu, ba trăm sáu mươi sáu nghìn, tám trăm bốn mươi đồng*).

- Xác định phần diện tích đất 128.9m² (*theo hình IKONPQRTXJ sơ đồ hiện trạng kèm theo*) là phần diện tích đất do ông Đỗ Văn Th và bà Bùi Thị H lần sang thửa đất số 402, tờ bản đồ số 27, tại Tổ dân phố Phố Bần, phường Bần Yên Nhân, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên. Xác định phần lán diện tích 65m² (*theo hình 02 sơ đồ hiện trạng kèm theo*) ông Th và bà H xây dựng trên phần diện tích đã lần này.

Buộc ông Th và bà H phải trả lại phần diện tích đất 128.9m² cho ông Nguyễn Ch và bà Nguyễn Thị V (*ương đương phần giá trị 644.500.000đ*); buộc

ông Th và bà H phải tự tháo dỡ phần lán diện tích 65m^2 xây dựng trên phần diện tích đã lán này.

Buộc ông Ch và bà V phải trả tiền vật liệu, công sức đã san lấp cho ông Th và bà H là 65.065.537đ (*Sáu mươi năm triệu, không trăm sáu mươi lăm nghìn, năm trăm ba mươi bảy đồng*).

- Xác định phần diện tích đất 11.1m^2 (theo hình VJXOZU sơ đồ hiện trạng kèm theo) là phần diện tích đất do bà Lê Thị Th lán sang thửa đất số 402, tờ bản đồ số 27, tại Tổ dân phố Phố Bàn, phường Bàn Yên Nhân, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên. Xác định phần lán diện tích 11.1m^2 (theo hình 03 sơ đồ hiện trạng kèm theo) bà Thịnh xây dựng trên phần diện tích đã lán này.

Buộc bà Th phải trả lại phần diện tích đất 11.1m^2 cho ông Nguyễn Ch và bà Nguyễn Thị V (tương đương phần giá trị 55.500.000đ); Buộc bà Th phải tự tháo dỡ phần lán diện tích 11.1m^2 xây dựng trên phần diện tích đã lán này.

Buộc ông Ch và bà V phải trả tiền vật liệu, công sức đã san lấp cho bà Thịnh là 5.495.887đ (*Năm triệu, bốn trăm chín mươi lăm nghìn, tám trăm tám mươi bảy đồng*).

- Xác định phần diện tích đất 13.6m^2 (theo hình GHIJV sơ đồ hiện trạng kèm theo) là phần diện tích đất do ông Nguyễn Q và bà Ngô Thị Thanh H lán sang thửa đất số 402, tờ bản đồ số 27, tại Tổ dân phố Phố Bàn, phường Bàn Yên Nhân, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.

Buộc ông Q và bà H phải trả lại phần diện tích đất 13.6m^2 cho ông Nguyễn Ch và bà Nguyễn Thị V (tương đương phần giá trị 68.000.000đ).

Buộc ông Ch và bà V phải trả tiền vật liệu, công sức đã san lấp cho ông Quang, bà Huyền là 3.700.900đ (*Ba triệu, bảy trăm nghìn, chín trăm đồng*).

- Xác định phần diện tích thứ nhất 99.7m^2 (theo hình ABCDEFGHIKL sơ đồ hiện trạng kèm theo) và phần diện tích thứ hai $25,2\text{m}^2$ (theo hình RTXYSVVIV2) sơ đồ hiện trạng kèm theo) là phần diện tích đất do ông Lê Văn V và bà Trần Thị Lệ B lán sang thửa đất số 402, tờ bản đồ số 27, tại Tổ dân phố Phố Bàn, phường Bàn Yên Nhân, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên. Xác định phần lán diện tích 79m^2 (theo hình 04 sơ đồ hiện trạng kèm theo) ông V và bà B xây dựng trên phần diện tích đã lán 99.7m^2 này.

Buộc ông V và bà B phải trả lại phần diện tích đất tổng là 124.9m^2 cho ông Nguyễn Ch và bà Nguyễn Thị V (tương đương phần giá trị 624.500.000đ); Buộc ông V và bà B phải tự tháo dỡ phần lán diện tích 79m^2 xây dựng trên phần diện tích đã lán này.

Buộc ông Ch và bà V phải trả tiền vật liệu, công sức đã san lấp cho ông Văn, bà Bích là 44.574.412đ (*Bốn mươi bốn triệu, năm trăm bảy mươi bốn nghìn, bốn trăm mười hai đồng*).

(Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, ông Ch và bà V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền thi hành những phần mà ông Ch, bà V được thi

hành án nêu trên; Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Ch và bà V chậm thi hành án thì phải chịu lãi suất chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự).

2. Đình chỉ xét xử phần yêu cầu của ông Nguyễn Ch và bà Nguyễn Thị V đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại cây nhãn, bụi tre, cây xà cừ.

3. Đối với phần diện tích 49m² là phần vượt quá so với diện tích đất được cấp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Ch, bà V: Ủy ban nhân dân phường Bàn Yên Nhân, thị xã Mỹ Hào xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật.

II/- Về án phí:

- Buộc ông Nguyễn Ch và bà Nguyễn Thị V phải chịu 6.775.133đ (*Sáu triệu, bảy trăm bảy mươi lăm nghìn, một trăm ba mươi ba đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 15.477.000đ mà ông Ch, bà V đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số 0004136 ngày 26/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên. Hoàn trả ông Ch và bà V số tiền 8.701.867đ (*Tám triệu, bảy trăm linh một nghìn, tám trăm sáu mươi bảy đồng*).

- Buộc ông Nguyễn Minh T và bà Đỗ Thị Th phải chịu 16.818.342đ (*Mười sáu triệu, tám trăm mười tám nghìn, ba trăm bốn mươi hai đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Buộc ông Đỗ Văn Th và bà Bùi Thị H phải chịu 33.033.276đ (*Ba mươi ba triệu, không trăm ba mươi ba nghìn, hai trăm bảy mươi sáu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Buộc bà Lê Thị Th phải chịu 3.075.000đ (*Ba triệu, không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Buộc ông Nguyễn Q và bà Ngô Thị Thanh H phải chịu 3.700.000đ (*Ba triệu, bảy trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Buộc ông Lê Văn V và bà Trần Thị Lệ B phải chịu 31.208.720đ (*Ba mươi mốt triệu, hai trăm linh tám nghìn, bảy trăm hai mươi đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên trách nhiệm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử các bị đơn Bà Trần Thị Lệ B, ông Lê Văn V; bà Bùi Thị H, ông Đỗ Văn Th; ông Nguyễn Minh T, bà Đỗ Thị Th; bà Lê Thị Th; ông Nguyễn Q, bà Ngô Thị Thanh H kháng cáo yêu cầu TAND tỉnh Hưng Yên bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã Mỹ Hào.

Quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm về phía các bị đơn Bà Trần Thị Lệ B, ông Lê Văn V; bà Bùi Thị H, ông Đỗ Văn Th; ông Nguyễn Minh T, bà Đỗ Thị Th; bà Lê Thị Th; ông Nguyễn Q, bà Ngô Thị Thanh H đều xác định phần đất mà

TAND thị xã Mỹ Hào buộc các bị đơn phải trả vợ chồng ông Nguyễn Văn Ch và bà Nguyễn Thị V không liên quan đến phần đất mà các hộ gia đình sử dụng hợp pháp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà là đất của UBND thị trấn Bần. Về phía anh Q xác định phần đất mà TAND thị xã Mỹ Hào buộc anh phải trả không liên quan đến phần đất hợp pháp mà anh nhận chuyển nhượng của ông Khánh mà là phần đất lưu không. Các bị đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xử hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà UBND huyện Mỹ Hào (nay là UBND thị xã Mỹ Hào) cấp cho vợ chồng ông Nguyễn Tuấn Minh và bà Đỗ Thị Quát.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Về phía bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và thể hiện quan điểm như đã trình bày trên. Nguyên đơn yêu cầu Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị đơn. Về phía người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho bị đơn xác định việc cấp sơ thẩm không đưa các con của vợ chồng ông T, bà Th; ông Th và bà H và bà Nguyễn Thị Lan là mẹ ông T vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng đề nghị hủy bản án sơ thẩm trả hồ sơ để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm. Về phía ông T, bà Th xác định cháu Nguyễn Thanh Tuyền sinh năm 1990, mẹ ông T là bà Nguyễn Thị Lan – SN 1929; ông Th bà H có hai con là Đỗ Đức Thắng – SN 1998 và Đỗ Ngọc Kiên – SN 2005; các đương sự đều xác định thời điểm san lấp và xây dựng trên đất đã lâu các con còn nhỏ, sống phụ thuộc bố mẹ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên phát biểu ý kiến:

- Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, những người tiến hành tố tụng, các đương sự tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị đơn. Tuy nhiên khi quyết định bản án cấp sơ thẩm có sai sót về số tờ bản đồ, cơ quan cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và các đương sự là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 để sửa bản án dân sự sơ thẩm cho phù hợp.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét, đánh giá toàn diện chứng cứ, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên, HĐXX nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn là ông Lê Văn V, bà Ngô Thị Thanh H và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Đoàn Thị B, tuy nhiên các đương sự trên đều có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ vào khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt những người trên là phù hợp.

[2] Về nội dung xét yêu cầu kháng cáo của các bị đơn:

[2.1] Về yêu cầu kháng cáo bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ch và bà Nguyễn Thị V, Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo lời khai của nguyên đơn là ông Ch và bà V xác định nguồn gốc phần đất nguyên đơn buộc các bị đơn phải trả là của các cụ để lại cho cụ Minh và cụ Quất và cụ Minh, cụ Quất lại tặng cho vợ chồng ông, quá trình sử dụng ông có mua thêm một phần diện tích, đã làm thủ tục và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 402, tờ bản đồ 20, diện tích $430.5m^2$ (*Bốn trăm ba mươi phẩy năm mét vuông*), lời khai của ông Ch và bà V phù hợp với cung cấp của UBND thị trấn Bần Yên Nhân và những người làm chứng là ông Nguyễn Đình Thung, ông Chu Đình Tuất, ông Nguyễn Mạnh Lộc được thể hiện trong giấy xác nhận lập ngày 06/01/2007, thực tế vợ chồng ông Ch và bà V đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hưng Yên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên toàn bộ thửa đất số 402, tờ bản đồ 20, diện tích $430.5m^2$ thuộc quyền sử dụng của vợ chồng ông Ch và bà V như án sơ thẩm đã xác định là có căn cứ.

Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ thì 02 phần đất mà bà B và ông V sử dụng có diện tích $99.7m^2$ và $25.2m^2$; phần đất mà vợ chồng anh Q và chị H sử dụng $13.6m^2$; phần đất bà Th Sử dụng $11.1m^2$; phần đất vợ chồng ông T và bà Th sử dụng có diện tích $63.2m^2$ và phần đất bà H và ông Th sử dụng có diện tích $128.9 m^2$ đều nằm trong phần đất thuộc quyền sử dụng của vợ chồng ông Ch và bà V (phần cụ Minh và cụ Quất tặng cho vợ chồng ông Chính và bà Vân) đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Về phía các hộ gia đình đang sử dụng trên đều xác định do san lấp vào ao của hợp tác xã, không liên quan đến phần đất các hộ gia đình đang sử dụng hợp pháp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó bản án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ch và bà V buộc những hộ gia đình phải trả cho vợ chồng ông Ch và bà V toàn bộ diện tích đang sử dụng trên là có cơ sở, như vậy kháng cáo của các bị đơn yêu cầu Hội đồng xét xử bác yêu cầu kiện của ông Ch và bà V là không có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu kháng cáo của các bị đơn đề nghị Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện Mỹ Hào cấp cho vợ chồng cụ Minh và cụ Quất, Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án, ngày ngày 05/5/2021, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Hào ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đến ngày 15/6/2021 các bị đơn có đơn yêu cầu phản tố, trong khi đó ngày 19/01/2021, Tòa án nhân dân thị xã Mỹ Hào đã mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, theo quy định khoản 3 Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự thì bị đơn có quyền đưa ra yêu cầu phản tố trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Do đó Tòa án nhân dân thị xã Mỹ Hào không thụ lý yêu cầu phản tố của các bị đơn là có căn cứ. Như vậy yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên chưa được giải quyết bằng

bản án quyết định của tòa cấp sơ thẩm, nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không có thẩm quyền xem xét, và như vậy kháng cáo của các bị đơn yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà UBND huyện Mỹ Hào đã cấp cho vợ chồng ông Minh và bà Quát của các bị đơn không có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Đối với quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn và các bị đơn yêu cầu hủy bản án sơ thẩm vì không đưa các con của ông T, bà Th; ông Th và bà H và mẹ ông Tú tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Hội đồng xét xử xét thấy tại phiên tòa ông T, bà Th; ông Th, bà H đều xác định thời gian các hộ gia đình san lấp và xây dựng công trình trên đất đã lâu từ khi các con còn nhỏ sống phụ thuộc vào bố mẹ, ngoài ra các đương sự không cung cấp được căn cứ nào khác chứng minh các con và mẹ ông T là bà Lan có công sức trong việc san lấp, hơn nữa như phân tích tại mục [2.1] và [2.2] trên, phần đất mà các được sự san lấp thuộc quyền sử dụng của vợ chồng ông Ch và bà V, các bị đơn tự ý san lấp và xây dựng công trình trên đất không được sự đồng ý của ông Ch và bà V nhưng án sơ thẩm đã quyết định buộc ông Ch và bà V phải trả các bị đơn một phần giá trị công trình xây dựng và công sức san lấp là đã bảo đảm quyền lợi cho các bị đơn nên việc đưa những người trên tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là không cần thiết. Như vậy, kháng cáo của các bị đơn yêu cầu hủy bản án sơ thẩm là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Đối với phần quyết định của bản án sơ thẩm do sơ suất nên có sự nhầm lẫn về số tờ bản đồ thực tế tờ bản đồ số 20, lại ghi tờ bản đồ số 27 và cơ quan cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Ch và bà V là Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hưng Yên, trong quyết định của bản án lại ghi UBND thị xã Mỹ Hào và phần sơ đồ ghi như sơ thẩm chưa rõ nghĩa, Hội đồng xét xử sẽ chỉnh sửa lại cho phù hợp bảo đảm thuận tiện cho việc thi hành án.

Từ những phân tích trên xét thấy quan điểm của đại diện VKSND tỉnh Hưng Yên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị đơn là có căn cứ.

Về án phí: Xét thấy vợ chồng ông V và bà B, bà Lê Thị Th, ông Nguyễn Minh T là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí, do đó căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Điểm đ Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử sửa một phần về án phí sơ thẩm miễn toàn bộ tiền án phí sơ thẩm cho những người trên là phù hợp. Kháng cáo yêu cầu Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND huyện Mỹ Hào (Nay là UBND thị xã Mỹ Hào) không được Hội đồng xét xử chấp nhận, tuy nhiên do phải sửa bản án sơ thẩm nên các bị đơn không phải chịu án phí phúc thẩm, hoàn trả các bị đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; Điểm b Khoản 1 Điều 38; Điều 147, 148 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Điều 264; Điều 692; Điều 696; Điều 697 và Điều 707 của Bộ luật dân sự năm 1995;

- Khoản 1 Điều 357, Điều 468; Điều 166; Điều 502 và Điều 503 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 20 của Luật Đất đai năm 1993;

- Điều 67 của Luật đất đai năm 2003;

- Khoản 3 Điều 210 của Luật đất đai năm 2013;

- Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH14 ngày 30/ 12/ 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị đơn Bà Trần Thị Lệ B, ông Lê Văn V; bà Bùi Thị H, ông Đỗ Văn Th; ông Nguyễn Minh T, bà Đỗ Thị Th; bà Lê Thị Th; ông Nguyễn Q, bà Ngô Thị Thanh H kháng cáo về yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện Mỹ Hào (nay là UBND thị xã Mỹ Hào) cấp cho vợ chồng ông Nguyễn Tuấn Minh và bà Đỗ Thị Quát .

Sửa phần một phần bản án dân sự sơ thẩm số 15/2021/DS-ST, ngày 26/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Hào như sau:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Ch và bà Nguyễn Thị V.

- Xác định thửa đất số 402, tờ bản đồ 20, diện tích 430.5m² (*Bốn trăm ba mươi phẩy năm mét vuông*) thuộc quyền quản lý, sử dụng của chủ sử dụng đất là ông Nguyễn Ch và bà Nguyễn Thị V theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hưng Yên cấp ngày 26/02/2019 cho ông Ch, bà V (*sơ đồ hiện trạng kèm theo*).

- Xác định phần diện tích đất 63.2m² (*theo hình KLMNO sơ đồ hiện trạng kèm theo*) là phần diện tích đất do ông Nguyễn Minh T và bà Đỗ Thị Th lấn sang thửa đất số 402, tờ bản đồ số 20, tại Tổ dân phố Phố Bần, phường Bần Yên Nhân, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên. Xác định phần lấn diện tích 12.6m² (*theo hình 01 sơ đồ hiện trạng kèm theo*) và 01 cọc bê tông cốt thép kích thước 0.2 x 0.2 x 5m ông T và bà Th xây dựng trên phần diện tích đã lấn này.

Buộc ông T và bà Th phải trả lại phần diện tích đất 63.2m² cho ông Nguyễn Ch và bà Nguyễn Thị V (*tương đương phần giá trị 316.000.000đ*); buộc ông T và Th phải tự tháo dỡ phần lấn diện tích 12.6m² xây dựng trên phần diện tích đã lấn này.

Buộc ông Ch và bà V phải trả tiền vật liệu, công sức đã san lấp cho ông T và bà Th là 20.366.840đ (*Hai mươi triệu, ba trăm sáu mươi sáu nghìn, tám trăm bốn mươi đồng*).

- Xác định phần diện tích đất 128.9m² (*theo hình IKONPQRTXJ sơ đồ hiện trạng kèm theo*) là phần diện tích đất do ông Đỗ Văn Th và bà Bùi Thị H lấn sang thửa đất số 402, tờ bản đồ số 20, tại Tổ dân phố Phố Bần, phường Bần Yên Nhân, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên. Xác định phần lấn diện tích 65m² (*theo hình 02 sơ đồ hiện trạng kèm theo*) ông Th và bà H xây dựng trên phần diện tích đã lấn này.

Buộc ông Th và bà H phải trả lại phần diện tích đất 128.9m² cho ông Nguyễn Ch và bà Nguyễn Thị V (*tương đương phần giá trị 644.500.000đ*); buộc ông Th và bà H phải tự tháo dỡ phần lấn diện tích 65m² xây dựng trên phần diện tích đã lấn này.

Buộc ông Ch và bà V phải trả tiền vật liệu, công sức đã san lấp cho ông Th và bà H là 65.065.537đ (*Sáu mươi năm triệu, không trăm sáu mươi lăm nghìn, năm trăm ba mươi bảy đồng*).

- Xác định phần diện tích đất 11.1m² (*theo hình VJXOZU sơ đồ hiện trạng kèm theo*) là phần diện tích đất do bà Lê Thị Th lấn sang thửa đất số 402, tờ bản đồ số 20, tại Tổ dân phố Phố Bần, phường Bần Yên Nhân, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên. Xác định phần lấn diện tích 11.1m² (*theo hình 03 sơ đồ hiện trạng kèm theo*) bà Th xây dựng trên phần diện tích đã lấn này.

Buộc bà Th phải trả lại phần diện tích đất 11.1m² cho ông Nguyễn Ch và bà Nguyễn Thị V (*tương đương phần giá trị 55.500.000đ*); Buộc bà Th phải tự tháo dỡ phần lấn diện tích 11.1m² xây dựng trên phần diện tích đã lấn này.

Buộc ông Ch và bà V phải trả tiền vật liệu, công sức đã san lấp cho bà Th là 5.495.887đ (*Năm triệu, bốn trăm chín mươi lăm nghìn, tám trăm tám mươi bảy đồng*).

- Xác định phần diện tích đất 13.6m² (*theo hình GHIJV sơ đồ hiện trạng kèm theo*) là phần diện tích đất do ông Nguyễn Q và bà Ngô Thị Thanh H lấn sang thửa đất số 402, tờ bản đồ số 27, tại Tổ dân phố Phố Bần, phường Bần Yên Nhân, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.

Buộc ông Q và bà H phải trả lại phần diện tích đất 13.6m² cho ông Nguyễn Ch và bà Nguyễn Thị V (*tương đương phần giá trị 68.000.000đ*).

Buộc ông Ch và bà V phải trả tiền vật liệu, công sức đã san lấp cho ông Qu, bà H là 3.700.900đ (*Ba triệu, bảy trăm nghìn, chín trăm đồng*).

- Xác định phần diện tích thứ nhất 99.7m² (*theo hình ABCDEFGHIKL sơ đồ hiện trạng kèm theo*) và phần diện tích thứ hai 25,2m² (*theo hình RTXYSVVIV2) sơ đồ hiện trạng kèm theo*) là phần diện tích đất do ông Lê Văn V và bà Trần Thị Lệ B lấn sang thửa đất số 402, tờ bản đồ số 20, tại Tổ dân phố Phố Bần, phường Bần Yên Nhân, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên. Xác định phần lấn diện tích 79m² (*theo hình 04 sơ đồ hiện trạng kèm theo*) ông V và bà B xây dựng trên phần diện tích đã lấn 99.7m² này.

Buộc ông V và bà B phải trả lại phần diện tích đất tổng là 124.9m² cho ông Nguyễn Ch và bà Nguyễn Thị V (*tương đương phần giá trị 624.500.000đ*); Buộc ông V và bà B phải tự tháo dỡ phần lán diện tích 79m² xây dựng trên phần diện tích đã lán này.

Buộc ông Ch và bà V phải trả tiền vật liệu, công sức đã san lấp cho ông V, bà B là 44.574.412đ (*Bốn mươi bốn triệu, năm trăm bảy mươi bốn nghìn, bốn trăm mười hai đồng*).

(Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, ông Chính và bà Vân có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền thi hành những phần mà ông Chính, bà Vân được thi hành án nêu trên; Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Chính và bà Vân chậm thi hành án thì phải chịu lãi suất chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự).

2. Đình chỉ xét xử phần yêu cầu của ông Nguyễn Ch và bà Nguyễn Thị V đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại cây nhãn, bụi tre, cây xà cừ.

3. Đối với phần diện tích 49m² là phần vượt quá so với diện tích đất được cấp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Ch, bà V: Ủy ban nhân dân phường Bàn Yên Nhân, thị xã Mỹ Hào xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật.

Về án phí:

- Buộc ông Nguyễn Ch và bà Nguyễn Thị V phải chịu 6.775.133đ (*Sáu triệu, bảy trăm bảy mươi lăm nghìn, một trăm ba mươi ba đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 15.477.000đ mà ông Ch, bà V đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số 0004136 ngày 26/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên. Hoàn trả ông Ch và bà V số tiền 8.701.867đ (*Tám triệu, bảy trăm linh một nghìn, tám trăm sáu mươi bảy đồng*).

- Miễn án phí ông Nguyễn Minh T. Bà Đỗ Thị Th phải chịu 8.409.100 đ

- Buộc ông Đỗ Văn Th và bà Bùi Thị H phải chịu 33.033.276đ (*Ba mươi ba triệu, không trăm ba mươi ba nghìn, hai trăm bảy mươi sáu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Buộc ông Nguyễn Q và bà Ngô Thị Thanh H phải chịu 3.700.000đ (*Ba triệu, bảy trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Lê Văn V và bà Trần Thị Lệ B, bà Lê Thị Th.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí các bị đơn đã nộp cụ thể: Bà Trần Thị Lệ B số tiền 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng số 0004486, ông Lê Văn V 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004487; bà Bùi Thị H số tiền 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004492, ông Đỗ Văn Th số tiền 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004485; ông Nguyễn Minh T số tiền 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004488, bà Đỗ Thị Th số tiền 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004493; bà Lê Thị Th số tiền 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004489; ông Nguyễn Q số tiền 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004490, bà

Ngô Thị Thanh H số tiền 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004491. Các biên lai đều ghi ngày 13/8/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Mỹ Hòa.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- TA, THADS thị xã Mỹ Hòa
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Hoàng Hữu Tăng

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- TA, THADS thị xã Mỹ Hòa
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Hữu Tăng